TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa chị N và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quốc T
2. Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST– HNGĐ ngày 08/8/2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Hồ Thị Mộng N, sinh năm 1992 (Có mặt);
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.
- ***Bị đơn:*** Anh Lê Văn Công T, sinh năm 1994 (Vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Mộng N trình bày: Chị N và anh T cưới nhau vào tháng 3 năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2015 tại UBND xã T. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Ngoài ra còn có Nều mâu thuẫn giữa mẹ anh T và chị N, anh T cũng không đứng ra để giải quyết ổn thỏa được. Chị N và anh T đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Từ khi ly thân, hai vợ chồng không thể ngồi lại nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn được nên nay chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thiên B, sinh ngày

31/8/2017 hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Vợ chồng thự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Đối với bị đơn anh Lê Văn Công T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không nộp tường trình nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn anh Lê Văn Công T, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Chị Hồ Thị Mộng N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê văn Công T là quan hệ pháp luật ly hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Mộng N và anh Lê Văn Công T cưới nhau vào năm 2015, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/3/2015 tại UBND xã T là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm cũng như không hòa hợp được các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình nên thường xảy ra cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra, cả hai cũng không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T, anh T không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị N cũng như không đến Tòa án để giải quyết, cho thấy anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thiên B, sinh ngày 31/8/2017 hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, hiện tại cháu B dưới 36 tháng tuổi, đang sống với mẹ ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu B cho chị N được quyền nuôi dưỡng.

Chị N không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo

yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị N trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và không có nợ chung nên không đề cập.

[2.6] Về án phí: Chị Hồ Thị Mộng N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hồ Thị Mộng N đối với anh Lê Văn Công T.

1. Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Mộng N được ly hôn với anh Lê Văn Công T.

2. Về nuôi con: Chị Hồ Thị Mộng N được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thiên B, sinh ngày 31/8/2017. Anh Lê Văn Công T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hồ Thị Mộng N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001165 ngày 03/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và

9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Út